

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HS-PT
Ngày 06-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ;
Ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 136/2017/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị Thu Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2017/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo : **Lê Thị Thu Đ** (tên gọi khác: T), sinh năm 1973 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Lê Thị Q; có chồng đã ly hôn và 01 con; bị tạm giữ từ ngày 23/8/2017 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam
- Có mặt.

- Bị hại: Ông K'L và bà H'H; cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

NLQ1; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NLQ2; địa chỉ: Tổ 4, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2010, Trần Cao S quen biết và chung sống với Lê Thị Thu Đ như vợ chồng. Đầu tháng 10/2011, S và Đ có ý định mua Mỳ (sắn) của người dân để bán lại kiếm lời. S và Đ đến gặp NLQ2 là người buôn bán nông sản để thỏa thuận S, Đ mua Mỳ của người dân rồi bán lại cho NLQ2 để hưởng tiền chênh lệch

thì NLQ2 đồng ý. NLQ2 đưa cho S, Đ 2000 vỏ bao để đựng Mỳ. Sau khi thỏa thuận với NLQ2, S và Đ đến gặp vợ chồng anh K'L, chị H'H trú tại thôn 3, xã Đ, huyện Đ để hỏi mua Mỳ và đưa đến nhà anh K'L, chị H'H một máy cắt Mỳ tươi và khoảng 1000 vỏ bao bì.

Thời gian này S này sinh ý định chiếm đoạt mỳ của vợ chồng anh K'L nên nói với Đ *“Anh thấy anh K'L chị H'H là người đồng bào, dễ dãi nếu hưởng tiền chênh lệnh giá mua bán thì bao giờ có tiền. Bây giờ mình đang kẹt tiền, anh K'L giàu có. Hơn nữa ngày xưa anh K'L đánh anh mấy bạt tai, bây giờ anh trả thù, sẽ lừa để chiếm đoạt mỳ của anh K'L lấy tiền tiêu xài”*. Nghe vậy Đ nói *“Bây giờ lớn tuổi rồi những việc ngày xưa thì bỏ qua đi”* nhưng S không đồng ý mà nói *“Những việc này anh làm thì anh hoàn toàn chịu trách nhiệm, em giúp anh nói với anh K'L chở mỳ về công ty ở Bình Dương để nhập giúp cho anh K'L, đồng thời giúp anh cân mỳ và làm theo sự chỉ dẫn của anh để anh K'L và chị H'H tin tưởng giao mỳ”*. Lúc này Đ đồng ý. Sau đó S, Đ đến nhà anh K'L thì thấy số lượng mỳ khô được khoảng 30 tấn. S nói với anh K'L *“số mỳ khô của anh được khoảng 30 tấn, Công ty cho xe chở xuống nhập để lấy tiền và ứng tiền để tiếp tục mua mỳ”*. Anh K'L hỏi S xe của Công ty là loại xe gì thì S trả lời *“số mỳ này của anh ít quá, Công ty nói tự thuê xe chở xuống kho của Công ty để nhập”*. Nghe vậy anh K'L nhờ S thuê xe để chở mỳ đến Công ty. Được anh K'L tin tưởng S nói với Đ *“anh K'L đã tin và nhờ chúng mình thuê xe chở mỳ về Công ty nhập, nhân cơ hội này mình lừa bán xe mỳ của anh K'L để chiếm đoạt tiền luôn”*. S bảo Đ đi cùng xe với vợ chồng anh K'L còn S đi cùng xe mỳ, khi lấy tiền xong hẹn gặp nhau để bỏ trốn.

Ngày 06/12/2011, S gọi điện thoại cho NLQ2 nói đã thu mua đủ mỳ, chiều cùng ngày NLQ2 vào nhà anh K'L xem mỳ, NLQ2 xem mỳ xong thì S nói *“anh bán cho em 4.500 đồng/kg mỳ khô, cân được bao nhiêu tính tiền bấy nhiêu nhưng đừng nói là mua mà nói là chở thuê cho anh. Trong làm ăn anh không thích người bán mỳ biết giá mình mua”* nghe vậy NLQ2 đồng ý. Sau khi thống nhất S, Đ nói với anh K'L *“anh cho người bốc mỳ, cân được bao nhiêu thì mình xuống Công ty nhập, anh chị đi cùng em xuống Công ty làm hợp đồng và lấy tiền luôn”* thì anh K'L đồng ý. Sau khi thống nhất mua mỳ với S nhưng do xe ô tô của NLQ2 bị trục trặc, không vào chở mỳ được nên NLQ2 gọi điện bán mỳ cho NLQ1 cùng làm nghề mua bán nông sản với giá là 4.500 đồng/kg.

Sáng ngày 07/12/2011, NLQ2 cùng NLQ1 đi vào nhà anh K'L. Do sợ bị lộ, S nói với NLQ2 *“em nói với NLQ1 đi chở thuê, đừng nói mua của anh hay của em gì cả”*. Sau đó NLQ1 cho người bốc mỳ lên xe của NLQ1 được tổng khối lượng 29.512kg. Bốc mỳ xong, S nói với anh K'L *“anh, chị H'H và Đ đi xuống Bình Dương trước, em đi áp tải xe xuống sau”* nghe vậy anh K'L đồng ý. Khi xe chở mỳ đến xã Q, NLQ2 vào nhà NLQ1 lấy số tiền bán mỳ là 132.804.000 đồng, NLQ2 đưa cho S 127.000.000 đồng còn 5.804.000 đồng NLQ2 giữ để trừ vào tiền bao bì đã đưa cho S trước đó. Sau khi lấy được tiền, S gọi điện cho Đ nói *“anh đã lấy được 127.000.000 đồng rồi. Em cứ lừa K'L và H'H vào nhà nghỉ và nói với anh*

K'L là xe đang xuống. Khi nào đến nơi anh gọi điện cho em ra, ta cùng trốn, để anh K'L và chị H'H ở lại nhà nghỉ". Khoảng 01 giờ sáng ngày 08/12/2011, anh K'L, chị H'H và Đ đến Bình Dương, Đ thuê 03 phòng nghỉ ở khách sạn Đào Hoa thuộc khu phố B, phường L, thị xã T để nghỉ. Đến 3 giờ sáng cùng ngày, S đến gọi Đ ra và cùng nhau bỏ trốn.

Đối với số tiền 127.000.000 đồng, S đưa cho Đ 30.000.000 đồng số tiền còn lại S đã tiêu xài hết. Sau khi phạm tội Đ đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định truy nã, ngày 23/8/2017 Đ bị bắt.

Biết được hành vi phạm tội của S và Đ nên NLQ2 đã tự nguyện nộp số tiền 5.804.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại số tiền này cho vợ chồng anh K'L. Đối với 29.512kg mỳ khô, sau khi mua NLQ1 đã bán cho người khác tại thị xã Đ, tỉnh Bình Phước nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu giữ được.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 16/12/2011 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 29.512kg mỳ khô trị giá 132.804.000 đồng.

Tại bản án số: 55/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu Đ phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 12 năm 2017 bị cáo Lê Thị Thu Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thu Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thu Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến gì bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Lê Thị Thu Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên toà sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác lưu trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Lợi dụng sự tin tưởng của anh K'L và chị H'H, nên vào ngày 07/12/2011, Đ cùng Trần Cao S đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh K'L và chị H'H 29.512kg mỳ khô, trị giá 132.804.000 đồng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Quá trình điều tra bị cáo cung cấp một giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh và một Huân chương kháng chiến hạng ba đều mang tên Lê Văn M. Tuy nhiên, cha ruột của bị cáo là Lê Văn N, bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh ông Lê Văn M và ông Lê Văn N là một người, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét cho bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị Thu Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thu Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu Đ (*tên gọi khác T*) phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu Đ (*tên gọi khác T*) 02 (hai) năm tù tính từ ngày 23/8/2017.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Lê Thị Thu Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKS nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV CS CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- CCTHA dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thông